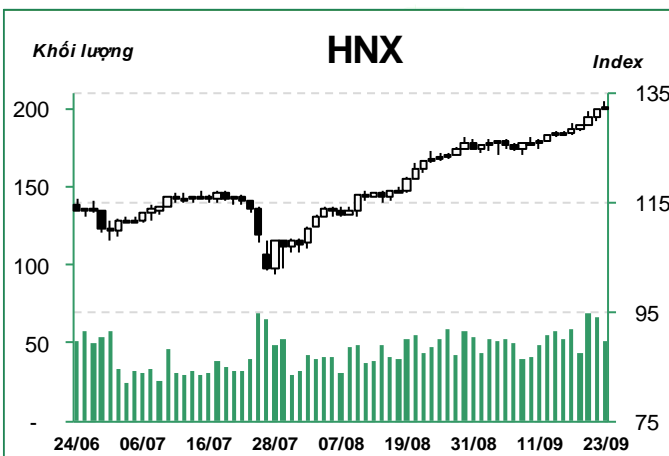
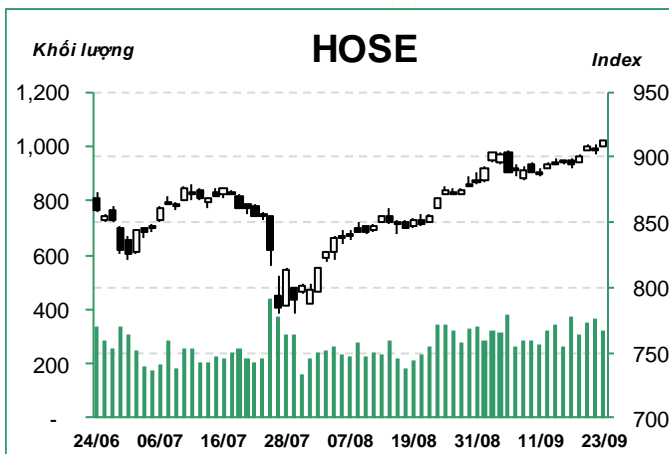


Tổng quan thị trường

23/09/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	912.50	0.70%	858.30	0.65%	132.64	0.34%
Cuối tuần trước	900.95	1.28%	841.26	2.03%	129.20	2.66%
Trung bình 20 ngày	896.14	1.83%	833.69	2.95%	127.47	4.06%
Tổng KLGD (triệu cp)	392.51	-2.22%	125.43	-7.47%	59.39	-21.47%
KLGD khớp lệnh	324.67	-11.71%	111.92	-14.17%	50.99	-23.44%
Trung bình 20 ngày	316.73	2.51%	88.69	26.19%	52.27	-2.45%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	6,483.86	-3.89%	3,162.70	-1.02%	772.34	-25.23%
GTGD khớp lệnh	5,494.86	-10.68%	2,785.18	-8.00%	635.91	-25.99%
Trung bình 20 ngày	5,440.04	1.01%	2,501.27	11.35%	599.08	6.15%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	250	54%	20	67%	83	23%
Số mã giảm	161	35%	9	30%	64	18%
Số mã đứng giá	53	11%	1	3%	209	59%



Sau khi điều chỉnh không quá tiêu cực trong phiên hôm qua, thị trường tăng điểm trở lại với động lực chính từ nhóm cổ phiếu ngân hàng. Thanh khoản giảm nhẹ so với phiên trước, nhưng nhìn chung vẫn ở mức cao. Trong khi đó, dòng tiền khối ngoại cũng tích cực với phiên mua ròng thứ 3 liên tiếp.

Chốt phiên, VN-Index đóng cửa tại mức 912.50 điểm (+0.70%). KLGD khớp lệnh đạt 324.7 triệu cổ phiếu (-11.7%), tương đương 5,495 tỷ đồng giá trị (-10.7%). Toàn sàn có 250 mã tăng và 161 mã giảm.

Nhóm ngân hàng bật tăng mạnh mẽ với sự dẫn dắt của các trụ cột Vietcombank-VCB (+1.7%), BIDV-BID (+1.7%) và Vietinbank-CTG (+1.7%). Ngoài ra, một số nhóm ngành khác cũng có diễn biến tăng khá tốt trong hôm nay như dầu khí, xây dựng và BĐS khu công nghiệp. Ở chiều ngược lại, Vinamilk-VNM (-0.3%), Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (-1.2%), Vingroup-VIC (-0.1%) chịu áp lực điều chỉnh nhưng không thật sự đáng kể.

Giao dịch khối ngoại khởi sắc với phiên mua ròng cổ phiếu thứ 3 liên tiếp trên sàn HoSE, đạt giá trị 71.1 tỷ đồng (+97.1%). Với những cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất là Vincom Retail-VRE (+54.0 tỷ), Vietcombank-VCB (+33.5 tỷ), Chứng khoán SSI-SSI (+27.4 tỷ). Trái lại, Vinhomes-VHM (-22.1 tỷ), Đô thị Kinh Bắc-KBC (-20.8 tỷ), Chứng khoán VNDIRECT-VND (-18.2 tỷ) chịu áp lực bán ròng từ khối ngoại. Ngoài ra, khối ngoại cũng mua ròng 54.3 tỷ đồng ccq ETF trong hôm nay, tập trung chủ yếu ở FUEVFVND và FUESSVFL.

Trên sàn Hà Nội, HNX-Index chốt phiên tăng nhẹ tại mức 132.64 điểm (+0.34%). Thanh khoản trên sàn giảm mạnh với

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
HNG	17,657.0	211.90
GEX	4,000.0	92.80
EIB	4,240.0	76.32
TCB	3,345.2	69.58
MBB	3,255.8	63.75
NVT	11,015.1	46.37
NVL	600.0	37.05
MSN	600.0	33.10
VJC	284.4	30.23
PMG	2,201.5	29.39
HNX		
VC3	3,228.7	54.41
DL1	1,050.0	32.55
S99	1,000.0	20.20
TAR	750.0	15.00
TIG	1,038.1	7.00
SDA	1,200.0	5.28
SJ1	40.8	0.84
HTP	55.0	0.50
SHB	26.1	0.41
PVI	7.5	0.25

KLGD khớp lệnh đạt 51.0 triệu cổ phiếu (-23.4%), tương đương 635.9 tỷ đồng giá trị (-26.0%).

Trong đó, những trụ cột của sàn Hà Nội như Ngân hàng Á Châu-ACB (+0.9%), Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+0.6%), Dầu khí PTSC-PVS (+0.7%) và Vinaconex-VCG (+0.3%) đều tăng điểm, tuy nhiên mức tăng đã không còn mạnh như những phiên trước. Ở chiều ngược lại, Thaiholdings-THD (-2.2%), Khách sạn Đại Dương-OCH (-6.3%), Ngân hàng Quốc Dân-NVB (-2.3%) gây áp lực chính cho chỉ số.

Khối ngoại tiếp tục bán ròng trên sàn HNX trong hôm nay với giá trị 9.1 tỷ đồng (+478.4%). Trong đó, lực bán tập trung ở các cổ phiếu Vicostone-VCS (-4.8 tỷ), Dệt may TNG-TNG (-2.7 tỷ), Cảng Đoạn Xá-DXP (-1.1 tỷ). Trong khi đó, Đầu tư Thăng Long-TIG (+0.5 tỷ), Dầu khí PTSC-PVS (+0.4 tỷ), Xây dựng 1.1.6.8-MST (+0.2 tỷ) là những cổ phiếu được khối ngoại mua ròng.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm trở lại. Khối lượng giao dịch duy trì trên mức bình quân 10 và 20 phiên hàm ý dòng tiền gia nhập thị trường tích cực. Không những vậy, chỉ số tiếp tục đóng cửa trên vùng đỉnh tháng 6/2020 cùng với chùm MA5, 10, 20 trong trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy xu hướng phục hồi đang tiếp diễn. Thêm vào đó, bộ chỉ báo MACD và RSI đang hướng lên, cho thấy chỉ số có thể có cơ hội đi lên thử thách vùng kháng cự mục tiêu quanh 940 điểm (Fib 127.2). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số tiếp tục đi lên phiên thứ năm liên tiếp và duy trì đóng cửa trên MA5 cùng với chùm MA5, 10, 20 trong trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy xu hướng phục hồi đang tiếp diễn, ngưỡng kháng cự tiếp theo có thể quanh vùng 134.4 (Fib 161.8). Nhìn chung, thị trường nằm trong xu hướng phục hồi tích cực và thị trường có cơ hội tiến lên thử thách các ngưỡng kháng cự cao hơn. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư nên tận dụng các phiên rung lắc kỹ thuật để tái cơ cấu lại danh mục của mình vào các cổ phiếu có cơ bản tốt, thu hút được dòng tiền mạnh và có dự báo kết quả kinh doanh quý 3 tăng trưởng khả quan.

Thống kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
GTA	12.3	0.6	7.0%
PTC	9.1	0.2	6.9%
SGT	5.6	0.1	6.9%
PTL	5.5	29.4	6.9%
VAF	11.0	0.1	6.8%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
KPF	14.0	1.1	-7.0%
HRC	49.3	0.4	-7.0%
DTT	8.9	0.0	-7.0%
TTA	22.1	388.2	-7.0%
RIC	4.6	0.3	-6.9%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	25.8	323.9	1.0%
STB	12.7	318.5	0.8%
VPB	23.8	205.9	1.7%
CTG	26.3	168.1	1.7%
GEX	25.0	157.3	0.4%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
STB	12.7	24,791.4	0.8%
HBC	11.2	14,065.7	6.7%
ITA	4.6	13,168.2	3.6%
HPG	25.8	12,589.5	1.0%
POW	10.4	12,209.3	4.0%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACM	0.8	78.6	14.3%
L35	6.6	0.1	10.0%
CAN	28.7	0.1	10.0%
TST	10.0	15.4	9.9%
VBC	19.1	0.1	9.8%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
CKV	11.7	0.3	-10.0%
GLT	25.4	0.6	-9.9%
VGP	22.1	2.5	-9.8%
TFC	5.7	0.6	-9.5%
MDC	8.0	12.5	-9.1%

Top 5 giá trị

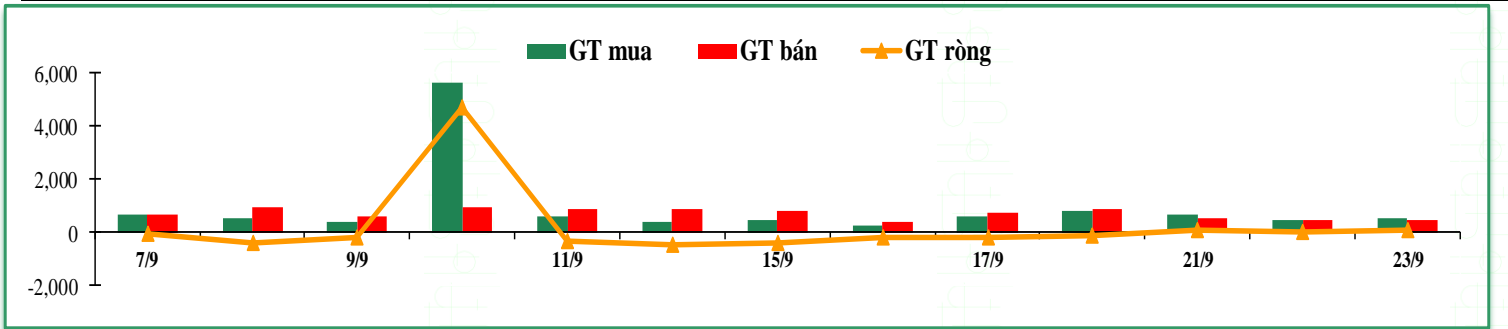
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	22.5	147.1	0.9%
PVS	13.6	128.0	0.7%
SHB	15.5	60.0	0.7%
SHS	12.1	37.4	0.8%
NVB	8.6	25.9	-2.3%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PVS	13.6	9,345.3	0.7%
ACB	22.5	6,511.4	0.9%
SHB	15.5	3,871.7	0.7%
SHS	12.1	3,087.7	0.8%
NVB	8.6	2,977.0	-2.3%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	546.4	9.9%	475.3	8.7%	71.1
HNX	2.3	0.4%	11.4	1.8%	-9.1
Tổng số	548.7		486.7		62.0



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
MBB	19.2	62.7	0.0%
VRE	29.1	55.5	1.4%
MSN	55.4	46.6	2.0%
VCB	85.4	34.9	1.7%
VJC	106.5	30.4	-0.2%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
MBB	19.2	62.7	0.0%
VHM	77.5	52.0	0.9%
VJC	106.5	38.7	-0.2%
MSN	55.4	34.0	2.0%
VNM	129.2	27.2	-0.3%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VRE	29.1	54.0	1.4%
VCB	85.4	33.5	1.7%
SSI	16.7	27.4	0.9%
KDC	37.2	26.1	1.4%
HSG	14.2	20.2	0.0%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
TIG	7.2	0.5	0.0%
PVS	13.6	0.4	0.7%
AMV	17.7	0.2	1.7%
MST	3.4	0.2	-2.9%
KLF	1.7	0.2	6.3%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCS	66.7	4.8	-0.3%
TNG	13.3	2.7	-0.8%
DXP	12.0	1.1	-2.4%
SHB	15.5	1.0	0.7%
AMV	17.7	0.4	1.7%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
TIG	7.2	0.5	0.0%
PVS	13.6	0.4	0.7%
MST	3.4	0.2	-2.9%
KLF	1.7	0.2	6.3%
SHE	19.7	0.1	-3.4%

Tin trong nước

Xuất khẩu tôm sang EU tăng gần 16% trong tháng 8/2020

Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản (VASEP) cho biết, tháng 8/2020, xuất khẩu tôm Việt Nam đạt 394,6 triệu USD, tăng gần 12% so với tháng 8/2019. Lũy kế 8 tháng đầu năm nay, xuất khẩu tôm đạt 2,3 tỷ USD, tăng 8,4% so với cùng kỳ năm ngoái.

Tháng 8/2020, trừ xuất khẩu sang Nhật Bản và Trung Quốc giảm, xuất khẩu tôm Việt Nam sang các thị trường chính khác đều tăng như Mỹ (+28,6%), EU (+15,7%), Hàn Quốc (10,2%), Anh (+16,4%), Canada (+17,2%), Australia (+20,5%). Đáng chú ý, xuất khẩu tôm Việt Nam sang EU trong tháng 8/2020 đạt mức tăng trưởng cao nhất kể từ đầu năm nay nhờ tác động tích cực từ Hiệp định EVFTA.

Theo VASEP, EU là thị trường nhập khẩu tôm lớn 4 của Việt Nam sau Mỹ, Nhật Bản và Trung Quốc, chiếm 13,6% tổng giá trị xuất khẩu tôm của Việt Nam. Xuất khẩu tôm Việt Nam sang EU giảm liên tục từ tháng 3 đến tháng 6 năm nay. Sau khi tăng trưởng nhẹ trong tháng 7, xuất khẩu tôm Việt Nam sang EU đã ghi nhận mức tăng trưởng 15,7% đạt 58,8 triệu USD trong tháng 8.

Ngay khi EVFTA có hiệu lực, thuế xuất khẩu một số mặt hàng tôm đông lạnh của Việt Nam sang EU về 0%, tôm chế biến sẽ có lộ trình giảm thuế từ 5-7 năm. Trong khi các đối thủ cạnh tranh chủ yếu trên thị trường EU như Thái Lan không được hưởng GSP, không có FTA nên có mức thuế cơ bản 12%; Ấn Độ không có FTA nên chịu thuế GSP 4,2%; Indonesia chịu thuế GSP 4,2%.

Với những tín hiệu khả quan trong xuất khẩu tôm Việt Nam trong 8 tháng đầu năm nay VASEP dự kiến xuất khẩu tôm Việt Nam tiếp tục tăng trưởng trong các tháng tới. Cả năm 2020, dự kiến xuất khẩu tôm Việt Nam đạt 3,6 tỷ USD, tăng 8% so với năm 2019.

Bức tranh thị trường bảo hiểm Việt Nam 6 tháng đầu năm

Trong bản tin mới công bố, Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm (Bộ Tài chính) cập nhật những số liệu khá toàn diện, cụ thể về bức tranh thị trường bảo hiểm Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2020.

Trước đó, Tổng cục Thống kê, Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam (IAV) cũng đã lần lượt có những báo cáo, thống kê sơ bộ về diễn biến của thị trường bảo hiểm trong giai đoạn chịu ảnh hưởng sâu sắc từ dịch Covid-19 .

Theo cập nhật từ Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm, trong 6 tháng đầu năm 2020, tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường ước đạt 83.084 tỷ đồng, tăng 15,02% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong đó doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 27.131 tỷ đồng, tăng 7,61% so với cùng kỳ. Doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ ước đạt 55.953 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ năm 2019.

Như vậy, có thể thấy, trong khi số liệu về thị trường bảo hiểm nhân thọ sau 6 tháng đầu năm 2020 không có khác biệt so với thống kê của IAV thì với khối bảo hiểm phi nhân thọ đã có thay đổi nhất định.

Tuy nhiên, về tổng thể, các báo cáo đều cho thấy dịch Covid-19 đã tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm, đặc biệt là lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ với đặc thù cần có sự gặp mặt trực tiếp để tư vấn cho khách hàng.

Tin doanh nghiệp niêm yết

Phát Đạt công bố tăng kế hoạch lợi nhuận trước thuế tích lũy 5 năm giai đoạn 2019-2023 từ 11.850 tỷ đồng lên 14.270 tỷ đồng

Tại một sự kiện mới đây của Phát Đạt, ông Nguyễn Văn Đạt - Chủ tịch HĐQT - quyết định công bố chỉ tiêu mới về tăng trưởng lợi nhuận cho kế hoạch dài hạn của doanh nghiệp này. Theo đó, Phát Đạt tăng chỉ tiêu lợi nhuận lũy kế cho kế hoạch 5 năm (2019 - 2023) lên mức 14.270 tỷ đồng thay cho chỉ tiêu cũ là 11.850 tỷ đồng, đồng nghĩa với CAGR (tốc độ tăng trưởng kép hằng năm) sẽ là 51% thay cho 38% như chỉ tiêu trước đây.

Phát Đạt đã tiến hành chia 2 đợt chia cổ tức cho năm 2019 (bằng cổ phiếu với tỷ lệ 13% và bằng tiền mặt với tỷ lệ 12%). Mới đây, Phát Đạt cũng công bố kế hoạch chi trả tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 7% cho 6 tháng đầu năm 2020.

Chủ tịch Sao Ta: Doanh số cao kỷ lục 25 năm, EU sẽ là thị trường lớn nhất trong năm tới

Đại dịch Covid-19 đã làm ảnh hưởng lớn đến hoạt động xuất nhập khẩu thủy sản với kim ngạch 8 tháng đầu năm giảm 5,3% còn khoảng 5,2 tỷ USD. Tuy nhiên, xuất khẩu tôm vẫn giữ được đà tăng trưởng tốt 7,7% trong 8 tháng.

Là một trong những doanh nghiệp lớn trong ngành, Thực phẩm Sao Ta (Fimex, HoSE: FMC) - một thành viên của Tập đoàn PAN – ghi nhận mức tăng trưởng còn ấn tượng hơn với đà tăng 12,5% sau 8 tháng. Kết quả này có được nhờ năng lực quản trị cùng những hành động cơ cấu quyết liệt của đội ngũ lãnh đạo. *Người Đồng Hành* vừa nhận được chia sẻ của ông Hồ Quốc Lực – Chủ tịch FMC về kết quả kinh doanh và những kế hoạch mới của doanh nghiệp tại Sóc Trăng này.

Chủ tịch FMC cho biết, tháng 8 vừa qua Sao Ta đạt doanh số tháng kỷ lục 23,6 triệu USD và lũy kế 8 tháng tăng trưởng 12,5% lên 120,6 triệu USD. Theo ước tính của tôi, sản lượng tôm trong quý III có thể đạt 7.000 tấn và doanh số khoảng 60 triệu USD, cao nhất trong 25 năm hoạt động. Riêng lợi nhuận còn đợi kết sổ.

Dự báo cho năm 2020, doanh số có thể đạt 180 triệu USD, tăng trưởng hơn 10% và vượt kế hoạch đề ra. Kết quả này không phải là đột biến, bất thường mà đây là tiến trình có sự chuẩn bị bền bỉ, dài hạn. Quy mô hoạt động của công ty càng lúc càng ổn định hơn, Sao Ta đã tuyển dụng thêm 500 công nhân chế biến kể từ đầu năm dù dịch Covid-19 bùng phát mạnh.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	PLX	Mua	24/09/20	51.6	51.6	0.0%	58.4	13.2%	49.5	-4.1%	Cổ phiếu có cơ hội quay lại xu hướng tăng

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	VHM	Quan sát mua	24/09/20	77.5	81 85-88	Nghi ngờ nhịp rũ hàng khi ko thấy áp lực bán tháo sau phiên giảm mạnh vol cao 15/9 -> cần phiên tăng đóng cửa 78 trở lên để xác nhận
2	MSN	Quan sát mua	24/09/20	55.4	62-64.5	Tích lũy trong vùng 54-56.5 sau khi thoát mẫu hình Vai đầu vai ngược + có phiên tăng vol tăng trở lại trên tb -> cần phiên break ngưỡng 56.5 sẽ cho tín hiệu nhịp tăng ngắn hạn
3	GAS	Quan sát mua	24/09/20	72.7	82-84 90-92	Vùng tích lũy ngắn hạn bị kẹp giữa MA50 và MA200, vol tăng gần đây khả năng sớm có phiên break -> cần vượt kháng cự 76 sẽ cho khả năng tăng tốt
4	OIL	Quan sát mua	24/09/20	8.1	9-9.5	Vol tăng dần gần đây khi đang trong vùng tích lũy 7.7-8.1 -> khả năng sớm có phiên break
5	KSB	Quan sát mua	24/09/20	31.2	34.5-35.5	Mẫu hình đảo chiều Bullish Engulfing khi về hỗ trợ quanh 30 + RSI bật tăng lại từ hỗ trợ -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 30.7-30.8

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DGC	Nắm giữ	20/08/20	40.15	33.45	20.0%	43.5	30.0%	31.8	-5%	Thủng ngưỡng 40 ngàn (MA20) thì chốt lời
2	PPC	Mua	14/09/20	23.9	24.3	-1.6%	26	7.0%	23.5	-3%	Thủng ngưỡng 23.7 ngàn (MA50) thì bán
3	IMP	Mua	15/09/20	48.4	48.15	0.5%	54.4	13%	47.2	-2%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

4	LIX	Mua	16/09/20	57.5	56.8	1.2%	60.9	7%	54.9	-3%	
5	MWG	Mua	17/09/20	101.9	94.6	7.7%	105	11%	90	-5%	
6	VNM	Mua	21/09/20	129.2	126.4	2.2%	137	8%	123.9	-2%	
7	PVS	Mua	22/09/20	13.6	12.9	5.4%	14.2	10%	12.6	-2%	
8	CTG	Mua	23/09/20	26.25	25.8	1.7%	28	9%	25.2	-2%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền (*)	Tổng kê giao dịch chứng quyền ngày 23/09/2020									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (**) (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	1,200	6.2 %	-22%	1,183	84	73,100	88	(1,112)	KIS	CTD	80,888	10	16/12/2020
CFPT2003	7,300	12,150	1.6 %	66%	3,184	47	51,100	1,568	(10,582)	SSI	FPT	50,000	1	09/11/2020
CFPT2006	1,500	2,010	7.5 %	34%	974	36	51,100	1,603	(407)	HCM	FPT	44,386	4	29/10/2020
CFPT2007	1,690	1,800	0 %	7%	3,703	30	51,100	1,542	(258)	MBS	FPT	43,500	5	23/10/2020
CFPT2008	1,500	1,590	1.3 %	6%	5,869	113	51,100	816		HCM	FPT	48,000	5	14/01/2021
CHDB2005	1,080	900	0 %	-17%	4,276	12	31,050	938	38	KIS	HDB	27,327	4	05/10/2020
CHDB2006	2,180	3,200	1.6 %	47%	1,528	15	31,050	3,190	(10)	MBS	HDB	24,700	2	08/10/2020
CHPG2005	2,100	-	0 %	-100%	-	8	25,800	6,813	6,813	VND	HPG	19,000	1	01/10/2020
CHPG2008	4,100	4,640	7.4 %	13%	11,489	68	25,800	98	(4,542)	SSI	HPG	28,000	1	30/11/2020
CHPG2009	1,600	4,630	3.1 %	189%	6,519	36	25,800	1,684	(2,946)	HCM	HPG	22,500	2	29/10/2020
CHPG2012	6,100	6,460	2.9 %	6%	2,000	117	25,800	940	(5,520)	SSI	HPG	26,500	1	18/01/2021
CHPG2013	6,900	8,140	3.4 %	18%	2,318	69	25,800	2,028	(6,112)	SSI	HPG	24,000	1	01/12/2020
CHPG2014	7,200	7,680	2.8 %	7%	3,850	208	25,800	1,919	(5,761)	SSI	HPG	26,500	1	19/04/2021
CHPG2015	6,700	7,120	4.9 %	6%	11,600	159	25,800	1,391	(5,729)	SSI	HPG	26,500	1	01/03/2021
CHPG2016	2,200	2,970	2.1 %	35%	94,794	113	25,800	276	(2,694)	HCM	HPG	27,500	2	14/01/2021
CMBB2003	2,000	1,950	4.8 %	-3%	14,245	47	19,200	1,282	(668)	SSI	MBB	18,000	1	09/11/2020
CMBB2005	2,000	400	-38.5 %	-80%	612	33	19,200	21	(379)	VCI	MBB	20,000	1	26/10/2020
CMBB2006	1,100	1,530	7.0 %	39%	13,497	36	19,200	1,375	(155)	HCM	MBB	16,500	2	29/10/2020
CMBB2007	1,400	1,720	1.8 %	23%	23,273	113	19,200	1,212		HCM	MBB	17,000	2	14/01/2021
CMSN2001	2,300	460	12.2 %	-80%	6,814	84	55,400	3	(457)	KIS	MSN	65,789	5	16/12/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMSN2005	2,100	450	21.6 %	-79%	1,002	36	55,400	1	(449)	HCM	MSN	60,000	5	29/10/2020
CMSN2006	1,900	1,250	4.2 %	-34%	11,115	113	55,400	415		HCM	MSN	56,000	5	14/01/2021
CMSN2008	1,530	1,350	5.5 %	-12%	16,909	75	55,400	629	(721)	MBS	MSN	53,000	5	07/12/2020
CMWG2005	2,500	5,230	23.4 %	109%	567	8	101,900	4,981	(249)	VND	MWG	92,000	2	01/10/2020
CMWG2006	2,000	430	7.5 %	-79%	6,486	33	101,900	2	(428)	VCI	MWG	110,000	5	26/10/2020
CMWG2007	12,900	17,610	12.4 %	37%	1,878	68	101,900	15,403	(2,207)	SSI	MWG	87,000	1	30/11/2020
CMWG2008	1,300	1,820	18.2 %	40%	7,852	34	101,900	1,714	(106)	HCM	MWG	85,000	10	27/10/2020
CMWG2009	1,600	2,470	14.9 %	54%	17,576	30	101,900	2,513	43	MBS	MWG	82,000	8	23/10/2020
CMWG2010	1,400	2,420	13.1 %	73%	15,902	113	101,900	2,074		HCM	MWG	82,000	10	14/01/2021
CNVL2001	2,300	1,500	-31.8 %	-35%	542	84	63,600	98	(1,402)	KIS	NVL	65,888	4	16/12/2020
CNVL2002	2,000	2,490	-2.0 %	25%	401	168	63,600	1,012	(1,478)	KIS	NVL	59,889	5	10/03/2021
CPNJ2002	2,400	290	-12.1 %	-88%	4,117	8	63,400	(0)	(290)	VND	PNJ	69,000	2	01/10/2020
CPNJ2003	2,000	120	-29.4 %	-94%	123	33	63,400	0	(120)	VCI	PNJ	75,000	5	26/10/2020
CPNJ2005	1,000	610	27.1 %	-39%	40,119	36	63,400	361	(249)	HCM	PNJ	60,000	10	29/10/2020
CPNJ2006	1,000	1,010	18.8 %	1%	15,563	113	63,400	570		HCM	PNJ	59,000	10	14/01/2021
CPNJ2007	1,670	2,450	15.6 %	47%	25,782	58	63,400	2,131	(319)	MBS	PNJ	53,000	5	20/11/2020
CREE2003	1,000	2,040	-2.9 %	104%	14,292	36	40,050	2,028	(12)	HCM	REE	30,000	5	29/10/2020
CREE2004	1,570	3,650	1.4 %	132%	425	30	40,050	3,541	(109)	MBS	REE	29,500	3	23/10/2020
CREE2005	1,300	2,270	-1.3 %	75%	1,119	113	40,050	1,965		HCM	REE	32,500	4	14/01/2021
CROS2002	1,000	150	7.1 %	-85%	12,901	84	2,130	(0)	(150)	KIS	ROS	7,227	1	16/12/2020
CSBT2001	2,900	180	-10.0 %	-94%	1,393	84	14,400	0	(180)	KIS	SBT	21,111	1	16/12/2020
CSTB2002	1,700	1,710	0.6 %	1%	18,560	84	12,650	955	(755)	KIS	STB	11,888	1	16/12/2020
CSTB2004	1,400	2,020	-7.3 %	44%	85,308	68	12,650	1,716	(304)	SSI	STB	11,000	1	30/11/2020
CSTB2005	1,080	710	-15.5 %	-34%	33,287	41	12,650	443	(267)	KIS	STB	11,811	2	03/11/2020
CSTB2006	1,500	1,110	-0.9 %	-26%	1,211	194	12,650	471	(639)	KIS	STB	12,888	2	05/04/2021
CSTB2008	1,500	3,000	3.5 %	100%	17,986	58	12,650	2,499	(501)	MBS	STB	10,200	1	20/11/2020
CTCB2003	2,000	330	10.0 %	-84%	3,578	33	22,300	0	(330)	VCI	TCB	25,000	1	26/10/2020
CTCB2005	3,000	1,920	1.6 %	-36%	7,027	68	22,300	776	(1,144)	SSI	TCB	22,000	1	30/11/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CTCB2006	1,200	2,260	0.9 %	88%	10,828	36	22,300	2,177	(83)	HCM	TCB	18,000	2	29/10/2020
CTCB2007	1,700	1,900	0.5 %	12%	964	113	22,300	1,308		HCM	TCB	20,000	2	14/01/2021
CVHM2001	3,100	920	3.4 %	-70%	3,685	84	77,500	3	(917)	KIS	VHM	94,567	5	16/12/2020
CVHM2002	11,500	6,090	7.2 %	-47%	5,352	68	77,500	2,419	(3,671)	SSI	VHM	77,000	1	30/11/2020
CVHM2003	1,000	1,050	4.0 %	5%	17,413	36	77,500	771	(279)	HCM	VHM	70,000	10	29/10/2020
CVHM2004	1,490	50	-16.7 %	-97%	18,867	12	77,500	(0)	(50)	KIS	VHM	86,868	10	05/10/2020
CVHM2005	1,400	910	-2.2 %	-35%	26,508	113	77,500	286		HCM	VHM	79,000	10	14/01/2021
CVJC2001	2,400	-	0 %	-100%	-	84	106,500	0	0	KIS	VJC	173,137	10	16/12/2020
CVJC2002	1,900	380	0 %	-80%	3,095	36	106,500	0	(380)	HCM	VJC	116,000	10	29/10/2020
CVJC2003	1,670	50	-28.6 %	-97%	27,564	12	106,500	(0)	(50)	KIS	VJC	123,456	10	05/10/2020
CVNM2004	17,500	18,370	-1.3 %	5%	39	68	129,200	11,955	(6,415)	SSI	VNM	118,000	1	30/11/2020
CVNM2005	1,500	2,900	-1.4 %	93%	23,455	36	129,200	2,651	(249)	HCM	VNM	103,000	10	29/10/2020
CVNM2006	1,530	400	-2.4 %	-74%	56,109	12	129,200	3	(397)	KIS	VNM	131,313	10	05/10/2020
CVNM2007	2,400	1,670	0.6 %	-30%	265	168	129,200	378	(1,292)	KIS	VNM	138,888	10	10/03/2021
CVNM2008	1,800	2,320	-2.5 %	29%	6,531	113	129,200	1,656		HCM	VNM	114,000	10	14/01/2021
CVNM2009	1,810	2,600	-1.5 %	44%	3,063	75	129,200	2,286	(314)	MBS	VNM	107,000	10	07/12/2020
CVPB2006	3,400	1,700	18.1 %	-50%	21,913	68	23,800	641	(1,059)	SSI	VPB	24,000	1	30/11/2020
CVPB2007	1,700	1,130	16.5 %	-34%	61,951	36	23,800	694	(436)	HCM	VPB	22,500	2	29/10/2020
CVPB2008	1,800	1,860	10.1 %	3%	7,407	113	23,800	1,180		HCM	VPB	22,000	2	14/01/2021
CVPB2009	1,630	2,230	8.8 %	37%	11,182	58	23,800	1,849	(381)	MBS	VPB	20,200	2	20/11/2020
CVRE2003	3,000	330	-5.7 %	-89%	6,414	84	29,100	0	(330)	KIS	VRE	37,999	2	16/12/2020
CVRE2005	4,000	2,920	10.6 %	-27%	2,221	68	29,100	1,575	(1,345)	SSI	VRE	28,000	1	30/11/2020
CVRE2006	1,100	1,600	4.6 %	45%	12,316	36	29,100	1,542	(58)	HCM	VRE	23,000	4	29/10/2020
CVRE2007	1,520	650	3.2 %	-57%	22,069	194	29,100	210	(440)	KIS	VRE	33,333	5	05/04/2021
CVRE2008	1,200	1,270	1.6 %	6%	342	113	29,100	896		HCM	VRE	26,000	4	14/01/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
IMP (New)	HOSE	48,400	46,100	21/09/2020	174	2,711	27,620	10%	8.3%	17.0	1.7	20%
CTD (New)	HOSE	73,100	90,400	16/09/2020	824	10,391	113,736	9%	5.0%	8.7	0.8	30%
DBD (New)	HOSE	45,500	39,000	11/09/2020	143	2,733	18,708	15%	8.2%	14.1	2.1	15%
VCB	HOSE	85,400	78,000	07/09/2020	17,662	4,762	26,585	20%	1.5%	16.4	2.9	0%
AST	HOSE	52,900	40,000	07/09/2020	6	133	17,827	1%	0.5%	301.4	2.2	10%
PHR	HOSE	58,500	57,615	04/09/2020	1,180	8,709	22,532	28%	14.1%	6.2	2.3	30%
VRE	HOSE	29,100	39,500	03/09/2020	2,445	1,109	11,914	8%	6.4%	23.3	2.6	-
POW	HOSE	10,400	12,800	01/09/2020	2,655	971	13,557	8%	5.0%	13.2	0.9	0%
MWG	HOSE	101,900	105,600	28/08/2020	3,496	7,717	32,797	24%	7.5%	13.7	3.2	15%
NVL	HOSE	63,600	64,350	28/08/2020	3,547	3,699	25,725	13%	3.8%	20.3	2.1	-
NT2	HOSE	23,700	27,600	27/08/2020	775	2,691	14,445	19%	11.0%	10.3	1.9	25%
SCS	HOSE	123,500	120,000	27/08/2020	403	7,468	20,060	40%	36.9%	16.1	6.0	36%
MSN	HOSE	55,400	62,400	24/08/2020	1,026	877	27,165	2%	0.4%	71.2	2.3	10%
HPG	HOSE	25,800	28,700	18/08/2020	9,638	2,889	16,628	18%	9%	9.9	1.7	5%
DHG	HOSE	106,000	88,000	17/08/2020	670	5,125	27,884	18%	15%	17.2	3.2	-
VTP	UPCOM	103,500	142,700	13/08/2020	451	7,565	24,318	40%	11%	18.9	7.6	0%
VPB	HOSE	23,800	22,088	12/08/2020	8,558	3,511	20,826	18%	2%	6.3	1.1	0%
BMP	HOSE	60,200	55,800	07/08/2020	491	6,001	30,994	19%	17%	9.2	1.8	40%
MSH	HOSE	31,650	36,500	04/08/2020	21	428	20,629	2%	1%	85.2	1.8	25%
PNJ	HOSE	63,400	66,500	04/08/2020	836	3,713	21,769	17%	10%	17.9	3.1	8%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Quản Lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Quản Lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (PHFM).

Tòa nhà CR3-05B, Tầng 5, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5413 7991

Web: www.phfm.vn